

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2025/HS-ST
Ngày 14/02/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Bà Nguyễn Thị Bận

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T**; Sinh ngày 23 tháng 8 năm 1996; Tại: tỉnh Bắc Giang; Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở hiện nay: Số A đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Không xác định và bà H. Bị cáo có vợ là H1 và có 01 con sinh năm 2020. Tiền sự: Không

Tiền án: 01. Ngày 27/4/2021, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tại bản án số 32/2021/HS-ST. (Bị cáo chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 28/10/2024 đến ngày 31/10/2024 và Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. H1, sinh năm 2000, Nơi cư trú: A đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

2. M, sinh năm: 1985, Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

3. H2, sinh năm: 1978, Nơi cư trú: Số C đường K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

4. T, sinh năm 1975, Nơi cư trú: Số D đường T, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

5. N, sinh năm: 1976, Nơi cư trú: Số E đường D, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

6. T1, sinh năm: 1956, Nơi cư trú: Số F đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

7. M1, sinh năm 1987, Nơi cư trú: Số G đường Z, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

8. L, sinh năm: 1978, Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

9. T2, sinh năm 1996, nơi cư trú: Số H đường J, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

10. L1, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số I đường P, phường C, TP. B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

11. H3, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

12. W, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

13. L2, sinh năm 1978, nơi cư trú: Hẻm X đường S, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2024, do việc kinh doanh buôn bán không thuận lợi nên T đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi theo hai hình thức là cho vay tiền đứng và cho vay tiền góp. Hình thức cho vay cụ thể như sau:

Đối với hình thức cho vay tiền đứng, T cho vay với lãi suất 5.000 đồng /01 triệu đồng/01 ngày (tương đương 182,5%/ 01 năm), hằng ngày người vay đóng tiền lãi, cho đến khi trả tiền gốc thì không phải trả tiền lãi.

Đối với hình thức cho vay tiền góp, T cho vay góp trong khoảng thời gian 25, 30 ngày, với lãi suất từ 6.667 đồng/01 triệu đồng /01 ngày (tương đương 243,33%/01 năm) đến 10.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (tương đương 365%/01 năm). Hằng ngày, người vay phải đóng số tiền bằng tổng số tiền gốc và tiền lãi chia đều cho số ngày góp (bao gồm tiền lãi và tiền gốc) cho T cho đến khi hết chu kỳ vay.

Thông qua công việc buôn bán giò chả, T cho những người quen biết vay mượn tiền, đồng thời thông qua những người này cho những người có nhu cầu vay mượn tiền. Đối với người không quen biết. T đến nhà kiểm tra, xác định khả năng trả nợ, đồng thời giữ một số giấy tờ tùy thân như căn cước công dân, sổ hộ khẩu, chứng nhận đăng ký xe để làm tin, không viết giấy tờ vay mượn. Đối với những người đã quen biết thì T không giữ giấy tờ, tài sản gì làm tin về việc vay mượn tiền. Khi đã xác định người vay, hình thức vay thì T giao tiền mặt, hoặc chuyển

tiền qua tài khoản ngân hàng. Hằng ngày T sử dụng số điện thoại 0867266847, mạng xã hội: Facebook tên “T Bổng”, Zalo tên “Giò Chả Nem Chua” để liên lạc với người vay rồi T trực tiếp sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biển kiểm soát X1 để đến nhà thu tiền hoặc thông qua chuyển khoản ngân hàng đến tài khoản tên Vietcombank, tên H1 số K1 (là tài khoản ngân hàng của vợ chồng T sử dụng chung) để thu tiền từ người vay.

Quá trình điều tra xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 10 năm 2024 T đã cho 12 người vay mượn tiền với lãi suất cao cụ thể như sau:

1. Bà M, sinh năm 1985, trú tại: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 07 lần dưới hình thức vay tiền góp, cụ thể:

- Lần 01: Cuối tháng 4/2024, vay số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 10.000.000đ, trong đó 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 109.589 đồng, nên thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

- Lần 02: Cuối tháng 5/2024, vay số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 8.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 109.589 đồng, nên thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

- Lần 03: Cuối tháng 6/2024, vay số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 8.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 109.589 đồng, nên thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

- Lần 04: Cuối tháng 7/2024, vay số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 8.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 109.589 đồng, nên thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

- Lần 05: Cuối tháng 8/2024, vay số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 8.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 109.589 đồng, nên thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

- Lần 06: Cuối tháng 9/2024, vay số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 8.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 109.589 đồng, nên thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng.

- Lần 07: Ngày 24/10/2024, vay số tiền 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 01 ngày với số tiền 400.000 đồng, trong đó 320.000 đồng tiền gốc và 80.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà

nước là 4.384 đồng, nên thu lợi bất chính số tiền 75.616 đồng. Còn nợ 7.680.000đ tiền gốc.

Như vậy, bà M vay tổng T số tiền là 56.000.000 đồng, còn nợ 7.680.000 đồng tiền gốc, thì T thu lợi bất chính tổng số tiền: 11.418.082 đồng.

2. Bà H2, sinh năm 1978, trú tại: Số C đường K, phường L, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần dưới hình thức vay tiền góp, cụ thể:

- Lần 01: Đầu tháng 9/2024, vay số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 708.904 đồng.

- Lần 02: Giữa tháng 9/2024, vay số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 708.904 đồng.

- Lần 03: Ngày 13/10/2024, vay số tiền 4.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 15 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.400.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 32.877 đồng, thu lợi bất chính số tiền 567.123 đồng, còn nợ 1.600.000đ tiền gốc.

Như vậy, bà Hạnh vay T tổng số tiền là 10.000.000 đồng, còn nợ 1.600.000 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền: 1.984.931 đồng.

3. Bà T, sinh năm 1975, trú tại: phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 04 lần dưới hình thức vay tiền góp và 01 lần vay tiền đứng, cụ thể:

+ Hình thức vay tiền góp:

- Lần 01: Đầu tháng 8/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 7.500.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.417.808 đồng.

- Lần 02: Cuối tháng 8/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 7.500.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.417.808 đồng.

- Lần 03: Đầu tháng 9/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày, với số tiền 12.500.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng.

- Lần 04: Cuối tháng 9/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm.

Khoản vay này, T đã thu được 13 ngày với số tiền 6.500.000 đồng, trong đó 5.200.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 71.233 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.228.767 đồng, còn nợ 4.800.000 đồng tiền gốc.

+ Hình thức cho vay tiền đứng: Ngày 14/10/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất vay 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/01 năm, khoản vay này bà Trang đã trả được 13 ngày với số tiền lãi đã trả là 650.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 71.233 đồng, thu lợi bất chính số tiền 578.767 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, bà T vay T tổng số tiền là 42.000.000 đồng, còn nợ 14.800.000 đồng, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền: 7.006.164 đồng.

4. Bà N, sinh năm 1976, trú tại: phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 07 lần dưới hình thức vay tiền góp và 01 lần vay tiền đứng, cụ thể:

+ Hình thức vay tiền góp:

- Lần 01: Tháng 5/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 12.500.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng.

- Lần 02: Tháng 6/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 12.500.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng.

- Lần 03: Tháng 7/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 12.500.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng.

- Lần 04: Tháng 8/2024, vay số tiền 10.000.000đ, mỗi ngày trả 500.000đ cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 12.500.000 đồng, trong đó 10.000.000đ đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng.

- Lần 05: Tháng 9/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 12.500.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng.

- Lần 06: Ngày 21/10/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, góp, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 02 ngày với số tiền 1.000.000 đồng, trong đó 800.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định

của Nhà nước là 10.959 đồng, thu lợi bất chính số tiền 189.041 đồng, còn nợ 9.200.000 đồng tiền gốc.

- Lần 07: Ngày 24/10/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, hình thức cho vay tiền góp, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 06 ngày với số tiền 3.000.000 đồng, trong đó 2.400.000 đồng tiền gốc và 600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 32.877 đồng, thu lợi bất chính số tiền 567.123 đồng, còn nợ 7.600.000 đồng tiền gốc.

+ Hình thức cho vay tiền đứng: Ngày 08/10/2024, vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất vay 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, khoản vay này bà N đã trả được 10 ngày với số tiền lãi đã trả là 600.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 65.753 đồng, thu lợi bất chính số tiền 534.247 đồng, còn nợ 12.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, bà N vay T tổng số tiền là 82.000.000 đồng, còn nợ 28.800.000 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền: 13.105.481 đồng.

5. Ông T1, sinh năm 1956, trú tại: phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 04 lần dưới hình thức vay tiền góp và 01 lần vay tiền đứng, cụ thể:

+ Hình thức vay tiền góp:

- Lần 01: Đầu tháng 8/2024, vay số tiền 4.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 5.000.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng.

- Lần 02: Cuối tháng 8/2024, vay số tiền 4.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 5.000.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng.

- Lần 03: Giữa tháng 9/2024, vay số tiền 4.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, Với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 5.000.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 54.795 đồng, nên T đã thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng.

- Lần 04: Ngày 15/10/2024, vay số tiền 4.000.000đ, mỗi ngày trả 200.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 06 ngày với số tiền 1.200.000 đồng, trong đó 960.000 đồng tiền gốc và 240.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 13.151 đồng, thu lợi bất chính số tiền 226.849 đồng, còn nợ 3.040.000 đồng tiền gốc.

+ Hình thức cho vay tiền đứng: Vào ngày 25/9/2024, vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất vay 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, khoản vay này ông Tường đã trả được 30 ngày với số tiền lãi đã trả là 600.000đ. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 65.753 đồng, thu lợi bất chính số tiền 534.247 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, ông T1 vay T tổng số tiền là 20.000.000 đồng, còn nợ 7.040.000 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền: 3.596.711 đồng.

6. Bà M1, sinh năm: 1987, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 06 lần dưới hình thức vay tiền góp, cụ thể:

- Lần 1: Vào khoảng 5/2024, vay số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 708.904 đồng.

- Lần 2: Vào khoảng 6/2024, vay số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 708.904 đồng.

- Lần 3: Vào khoảng 7/2024, vay số tiền 3.000.000đ, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 708.904 đồng.

- Lần 4: Vào khoảng 8/2024, vay số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 708.904 đồng.

- Lần 5: Vào khoảng 9/2024, vay số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 25 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 41.096 đồng, thu lợi bất chính số tiền 708.904 đồng.

- Lần 6: Vào khoảng 10/2024, vay số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu được 01 ngày với số tiền 150.000 đồng, trong đó 120.000 đồng tiền gốc và 30.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 1.644 đồng, thu lợi bất chính số tiền 28.356 đồng, còn nợ 2.880.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, bà M1 vay T tổng số tiền là 18.000.000 đồng, còn nợ 2.880.000 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền: 3.572.876 đồng.

7. Bà L, sinh năm 1978, trú tại TDP6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần dưới hình thức vay tiền góp, vay 01 dưới hình thức vay tiền đứng, cụ thể:

+ Hình thức vay tiền góp:

- Lần 1: Vào tháng 9/2024, vay số tiền 5.000.000đ, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000đ tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi.

Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 2: Vào tháng 10/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 3: Vào ngày 20/10/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/01 năm, khoản vay này T đã thu được 04 ngày, với số tiền 800.000 đồng trong đó 666.667 đồng tiền gốc, 133.333 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 10.959 đồng, thu lợi bất chính số tiền 122.374 đồng, còn nợ 4.333.333 đồng tiền gốc.

+Hình thức vay tiền đứng: Vào tháng 10/2024, vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5.000đ/ 01triệu đồng/ 01ngày, tương đương lãi suất 182,5%/01 năm, khoản vay này T đã thu được 20 ngày tiền lãi, tương đương số tiền 1.000.000 đồng, Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 109.589 đồng, thu lợi bất chính số tiền 890.411 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, bà L vay với tổng số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ số tiền 14.333.333 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.848.401 đồng.

8. Bà T2, sinh năm 1996, trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 03 lần dưới hình thức tiền góp, 01 lần dưới hình thức tiền đứng, cụ thể:

Lần 1: Vào tháng 8/2024, vay số tiền 5.000.000đ, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000đ tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 2: Vào tháng 9/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 3: Vào tháng 10/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 02 ngày, với số tiền 400.000 đồng trong đó 333.333 đồng tiền gốc, 66.667 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 5.479 đồng, thu lợi bất chính số tiền 61.188 đồng, còn nợ 4.666.667 tiền gốc.

+ Hình thức vay tiền đứng: Vào tháng 9/2024, vay số tiền 6.000.000đ, hình thức cho vay tiền đứng, lãi suất 5.000đ/ 01triệu đồng/ 01ngày, tương đương lãi suất 182,5%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được được 50 ngày tiền lãi, tương đương số tiền 1.500.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 164.384 đồng, nên T đã thu lợi bất chính 1.335.616 đồng, còn nợ 6.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, chị T2 vay T tổng số tiền 21.000.000 đồng, còn nợ 10.666.667 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 3.232.420 đồng.

9. Bà L1, sinh năm 1988, trú tại phường C thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần dưới hình thức vay tiền góp cụ thể như sau:

Lần 1: Vào tháng 8/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, Với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 12.500.000đ, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng.

Lần 2: Vào tháng 9/2024, vay số tiền 15.000.000 đồng, ngày trả 600.000 đồng cả tiền gốc và tiền lãi, thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243,333%/ 01 năm. Khoản vay này đã thu được 04 ngày, với số tiền 2.400.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng tiền gốc, 400.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 32.877 đồng, thu lợi bất chính số tiền: 367.123 đồng, còn nợ số tiền 13.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, với việc cho bà L1 vay tổng số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ 13.000.000 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 2.730.137 đồng,

10. Ông H3, sinh năm 1972, trú tại TDP12, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần dưới hình thức vay góp, cụ thể:

Lần 1: Vào tháng 9/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu đủ 25 ngày với số tiền 7.500.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.417.808 đồng.

Lần 2: Vào ngày 06/10/2024, mỗi ngày trả 300.000đ cả gốc và lãi, thời hạn vay 25 ngày, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này, T đã thu 6 ngày với số tiền 1.800.000 đồng, trong đó 1.440.000 đồng tiền gốc và 360.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 19,726 đồng, thu lợi bất chính số tiền: 340,274 đồng, còn nợ 4.560.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, ông H3 vay T tổng số tiền 12.000.000 đồng, còn nợ 4.560.000 đồng tiền gốc, thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 1.758.082 đồng.

11. Bà W, sinh năm 1985, trú tại: TDP7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 06 lần dưới hình thức vay tiền góp cụ thể:

Lần 1: Vào tháng 6/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 2: Vào khoảng đầu tháng 7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 3: Vào khoảng giữa tháng 7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc,

1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 4: Vào khoảng đầu tháng 8/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 5: Vào khoảng giữa tháng 8/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/01 năm, khoản vay này T đã thu được 30 ngày, với số tiền 6.000.000 đồng trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền 917.808 đồng.

Lần 6: Vào ngày 19/10/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng thời hạn 30 ngày, với lãi suất 243.33%/ 01 năm, khoản vay này T đã thu được 06 ngày, với số tiền 1.200.000 đồng trong đó 1.000.000 đồng tiền gốc, 200.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 16,438 đồng, thu lợi bất chính số tiền 183,562 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy bà W vay T tổng số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng tiền gốc, thì T thu lợi bất chính tổng số tiền 4.772.602 đồng.

12. Bà L2, sinh năm: 1978, vay 01 lần dưới hình thức tiền góp cụ thể:

Vào ngày 7/10/2024, vay số tiền 4.000.000 đồng, thời hạn 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, với lãi suất 365%/ 01 năm. Khoản vay này T đã thu được 11 ngày, với số tiền 2.200.000 đồng, trong đó 1.760.000 đồng tiền gốc, 440.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 24.110 đồng, thu lợi bất chính số tiền 415.890 đồng, còn nợ 2.240.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, T cho 12 người vay, tổng số tiền cho vay là 345.000.000 đồng, tổng tiền lãi đã thu là 60.250.000 đồng, với mức lãi suất cho vay là từ 182,5%/ 01 năm đến 365%/ 01 năm (tức là mức lãi suất cho vay cao gấp 9,1 lần đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất được Nhà nước cho phép), tổng lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 3.808.223 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính 56.441.777 đồng, tổng số tiền gốc người vay còn nợ của T là 111.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKS BMT ngày 20/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo T về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu, sung Công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A38 là tài sản của bị cáo T, sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) tập hóa đơn bán lẻ là tài sản của bị cáo T, sử dụng để ghi chép một số thông tin vay mượn, phục vụ việc cho người khác vay tiền, không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị tịch thu, sung Công quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biển kiểm soát X2, loại xe 02 bánh, từ 50 - 175 cm³, số khung: K số máy: M, dung tích xi lanh: 110.3 cm³, là tài sản T sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ H3 (bản gốc); 01 (một) căn cước công dân mang tên L1 (bản gốc); 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên chủ xe M (bản gốc); 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên chủ xe T (bản gốc); 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên chủ xe N (bản gốc) là các giấy tờ có liên quan của người vay được bị cáo T giữ làm tin khi cho vay tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các giấy tờ trên cho chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo T trả lại số tiền là 56.441.777 đồng đã thu lợi bất chính từ những người vay tiền để trả lại cho những người vay cụ thể như sau: trả lại cho ông H3 số tiền 1.758.082 đồng; bà L1 số tiền 2.730.137 đồng; Trả lại cho chị T số tiền 3.232.420 đồng; bà L số tiền 2.848.401 đồng; bà M1 số tiền: 3.572.876 đồng; ông T1 số tiền: 3.596.711 đồng; bà N số tiền: 13.105.481 đồng; bà T số tiền 7.006.164 đồng; bà H2 số tiền: 1.984.931 đồng; bà M, số tiền: 11.418.082 đồng; bà W, số tiền: 4.772.602 đồng; bà L2 số tiền: 415.890 đồng.

Truy thu từ bị cáo T số tiền 233.400.000 đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 3.808.223 đồng là tiền lãi theo quy định pháp luật nộp sung Công quỹ Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người vay phải nộp tổng số tiền 111.600.000 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho T để nộp sung Công quỹ Nhà nước, cụ thể: Ông H3 số tiền 4.560.000 đồng; bà L1 số tiền 13.000.000 đồng; chị Huỳnh Thị Băng T số tiền 10.666.667 đồng; bà L số tiền 14.333.333 đồng; bà M1 số tiền 2.880.000 đồng; ông T1 số tiền 7.040.000 đồng; Bà N số tiền 28.800.000 đồng; bà T số tiền 14.800.000 đồng; bà H2 số tiền 1.600.000 đồng; bà M số tiền 7.680.000 đồng; bà W số tiền: 4.000.000 đồng; bà L2 số tiền: 2.240.000 đồng.

Đối với chị H1 là vợ của T, bị cáo T sử dụng tài khoản ngân hàng đứng tên chị H1 và sử dụng xe mô tô đứng tên của chị H1 phục vụ cho việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao. Quá trình điều tra xác định chị H1 không biết việc bị cáo T sử dụng các tài sản, phương tiện trên để thực hiện hành vi phạm tội, nên không đề cập xử lý là có căn cứ và phù hợp.

Đối với bà N, sinh năm 1985, trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk sử dụng tài khoản Zalo tên “Z”. Quá trình điều tra xác định bà N có vay mượn tiền từ bị cáo T nhưng không trả tiền lãi, chỉ là quan hệ dân sự, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP. Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Từ khoảng thời gian tháng 4/2024 đến tháng 10/2024, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo T đã cho nhiều người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và thu lợi bất chính. Bị cáo T cho 12 người vay gồm bà M, bà H2, bà T, bà N, ông T1, bà M1, bà L, bà T2, bà L1, ông H3, bà W và bà L2, vay tổng số tiền 345.000.000 đồng. Lãi suất từ 182,5%/01 năm đến 365%/01 năm gấp 9,1% lần đến 18,25% lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tiền lãi đã thu 60.250.000 đồng, trong đó: Lãi theo quy định là 3.808.223 đồng, thu lợi bất chính là 56.441.777 đồng thì bị phát hiện xử lý.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, vật chứng đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...”

[4] Bị cáo là người đã bị xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Bản án số 32/2021/HS-ST, ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo là người biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng do tham lam tư lợi, ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội, thu lợi bất chính số tiền là 56.441.777 đồng, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình với lỗi cố ý gây ra.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương nên Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T phạm tội chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 40.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A38 là tài sản của bị cáo T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 03 (ba) tập hóa đơn bán lẻ là tài sản của bị cáo T, sử dụng để ghi chép một số thông tin vay mượn, phục vụ việc cho người khác vay tiền, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biển kiểm soát X2, loại xe 02 bánh, từ 50 - 175 cm³, số khung: K1, số máy: M, dung tích xi lanh: 110.3 cm³, là tài sản T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ H3 (bản gốc); 01 (một) căn cước công dân mang tên L1 (bản gốc); 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên chủ xe M (bản gốc); 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô,

xe gắn máy mang tên chủ xe T (bản gốc); 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên chủ xe N (bản gốc) là các giấy tờ có liên quan của người vay được bị cáo T giữ làm tin khi cho vay tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các giấy tờ trên cho chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo T trả lại số tiền là 56.441.777 đồng đã thu lợi bất chính từ những người vay tiền để trả lại cho những người vay cụ thể như sau: trả lại cho ông H3 số tiền 1.758.082 đồng; bà L1 số tiền 2.730.137 đồng; Trả lại cho chị T số tiền 3.232.420 đồng; bà L số tiền 2.848.401 đồng; bà M1 số tiền: 3.572.876 đồng; ông T1 số tiền: 3.596.711 đồng; bà N số tiền: 13.105.481 đồng; bà T số tiền 7.006.164 đồng; bà H2 số tiền: 1.984.931 đồng; bà M, số tiền: 11.418.082 đồng; bà W, số tiền: 4.772.602 đồng; bà L2 số tiền: 415.890 đồng.

Truy thu từ bị cáo T số tiền 233.400.000 đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 3.808.223 đồng là tiền lãi theo quy định pháp luật nộp sung Công quỹ Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người vay phải nộp tổng số tiền 111.600.000 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho T để nộp sung Công quỹ Nhà nước, cụ thể: Ông H3 số tiền 4.560.000 đồng; bà L1 số tiền 13.000.000 đồng; chị Huỳnh Thị Băng T số tiền 10.666.667 đồng; bà L số tiền 14.333.333 đồng; bà M1 số tiền 2.880.000 đồng; ông T1 số tiền 7.040.000 đồng; Bà N số tiền 28.800.000 đồng; bà T số tiền 14.800.000 đồng; bà H2 số tiền 1.600.000 đồng; bà M số tiền 7.680.000 đồng; bà W số tiền: 4.000.000 đồng; bà L2 số tiền: 2.240.000 đồng.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với chị H1 là vợ của T, bị cáo T sử dụng tài khoản ngân hàng đứng tên chị H1 và sử dụng xe mô tô đứng tên của chị H1 phục vụ cho việc cho người khác vay tiền với lãi suất cao. Quá trình điều tra xác định chị H1 không biết việc bị cáo T sử dụng các tài sản, phương tiện trên để thực hiện hành vi phạm tội, nên không đề cập xử lý là có căn cứ và phù hợp.

Đối với bà N, sinh năm 1985, trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk sử dụng tài khoản Zalo tên “Z”. Quá trình điều tra xác định bà N có vay mượn tiền từ bị cáo T nhưng không trả tiền lãi, chỉ là quan hệ dân sự, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

T bố: Bị cáo T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (là 03 ngày tạm giữ quy đổi = 09 ngày cải tạo không giam giữ), thời hạn còn lại phải chấp hành là 17 (Mười bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A38, màu đen, số IMEI 1: I1, IMEI 2: I2; gắn 01 sim mạng Viettel, số thuê bao B, có sê ri: S là tài sản của bị cáo T, sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) tập hóa đơn bán lẻ là tài sản của bị cáo T, sử dụng để ghi chép một số thông tin vay mượn, phục vụ việc cho người khác vay tiền, không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen, biển kiểm soát X2, loại xe 02 bánh, từ 50 - 175 cm³, số khung: K, số máy: M, dung tích xi lanh: 110.3 cm³, là tài sản của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

(Đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2025 giữa Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Buôn Ma Thuột).

[4] Các biện pháp tư pháp: Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc bị cáo T trả lại số tiền là 56.441.777 đồng đã thu lợi bất chính từ những người vay tiền để trả lại cho những người vay cụ thể như sau: trả lại cho ông H3 số tiền 1.758.082 đồng; bà L1 số tiền 2.730.137 đồng; Trả lại cho chị T số tiền 3.232.420 đồng; bà L số tiền 2.848.401 đồng; bà M1 số tiền: 3.572.876 đồng; ông T1 số tiền: 3.596.711 đồng; bà N số tiền: 13.105.481 đồng; bà T số tiền 7.006.164 đồng; bà H2 số tiền: 1.984.931 đồng; bà M, số tiền: 11.418.082 đồng; bà W, số tiền: 4.772.602 đồng; bà L2 số tiền: 415.890 đồng.

Truy thu từ bị cáo T số tiền 233.400.000 đồng, là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 3.808.223 đồng là tiền lãi theo quy định pháp luật nộp sung Công quỹ Nhà nước.

Buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người vay phải nộp tổng số tiền 111.600.000 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo T để nộp sung Công quỹ Nhà nước, cụ thể: Ông H3 số tiền 4.560.000 đồng; bà L1 số tiền 13.000.000 đồng; chị Huỳnh Thị Băng T số tiền 10.666.667 đồng; bà L số tiền 14.333.333 đồng; bà M1 số tiền 2.880.000 đồng; ông T1 số tiền 7.040.000 đồng; Bà N số tiền 28.800.000 đồng; bà T số tiền 14.800.000 đồng; bà H2 số tiền 1.600.000 đồng; bà M số tiền 7.680.000 đồng; bà W số tiền: 4.000.000 đồng; bà L2 số tiền: 2.240.000 đồng.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- Công an TP.BMT;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương